

Số: /KH-UBND

Dền Sáng, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo 5 năm 2026-2030 và kế hoạch năm học 2026-2027

I. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm học 2024-2025 và ước thực hiện kế hoạch năm học 2025-2026

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2024-2025

1.1. Mạng lưới trường, lớp học

Kết thúc năm học 2024-2025 Toàn xã có 8 trường, trong đó: 03 trường mầm non, 02 trường PTDTBT tiểu học, 01 trường PTDTBT TH&THCS, 02 trường PTDTBT THCS; 20 điểm trường lẻ mầm non, 12 điểm trường lẻ tiểu học; 01 Trung tâm học tập cộng đồng.

Cấp Mầm non: 832 trẻ/36 nhóm, lớp (công lập 832 trẻ; tư thục 0 trẻ). Huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%, trẻ 4 tuổi đạt 100%.

Cấp Tiểu học: 56 lớp/56 lớp; 1354 học sinh.

Cấp THCS: 1064/32 lớp.

Trung bình số học sinh/lớp cấp học mầm non đạt 23,1; cấp tiểu học đạt 24,2; cấp THCS đạt 33,3.

1.2. Tỷ lệ học sinh đi học so với dân số trong độ tuổi

Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi đi học nhà trẻ đạt 29,8%.

Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi đi học đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi đi học lớp 1 đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 6-10 tuổi ra lớp đạt 100%.

Tỷ lệ học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi ra lớp đạt 100%.

1.3. Đánh giá về chất lượng giáo dục toàn diện

1.3.1. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

100% số trẻ được tổ chức ăn 2 bữa/ngày; số trẻ được thăm khám, theo dõi sức khỏe định kỳ 832/832 đạt 100%.

Kết quả cuối năm học: Số trẻ được thăm khám, theo dõi sức khỏe định kỳ 832/832 đạt 100% (công lập 832 trẻ; tư thục 0 trẻ).

Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 26/832 chiếm 3,1% (nhà trẻ 15 trẻ, mẫu giáo 11 trẻ); suy dinh dưỡng thể thấp còi 58 chiếm 6,97%, (nhà trẻ 30 trẻ, mẫu giáo 28 trẻ). còi cọc 15/832 chiếm 1,8% (nhà trẻ 5 trẻ, mẫu giáo 10 trẻ); số trẻ béo phì 0.

100% trẻ em đến trường được tăng cường tiếng Việt, được học tập theo chương trình GDMN ban hành phù hợp với đối trẻ và địa phương.

1.3.2. Chất lượng phổ thông

*** Cấp Tiểu học**

Chất lượng giáo dục: Hoàn thành xuất sắc: $326/1326 = 24,5\%$; Hoàn thành tốt: $398/1326 = 30,1\%$; Hoàn thành: $593/1326 = 44,7\%$; Chưa hoàn thành: $9/1326 = 0,67\%$.

*** Cấp THCS**

- Kết quả học tập: Tốt $76/1064 = 7,1\%$, Khá $324/1064 = 30,5\%$, Đạt $662/1064 = 62,2\%$, chưa đạt $2/1064 = 0,18\%$.

- Kết quả rèn luyện: Tốt $820/1064 = 77,06\%$, Khá $336/1064 = 31,6\%$, Đạt $92/1064 = 8,6\%$, chưa đạt 0.

1.3.3. Tình hình phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục vùng khó khăn; vùng đặc biệt khó khăn

Tình hình phát triển giáo dục dân tộc, giáo dục vùng khó khăn; vùng đặc biệt khó khăn ngày được quan tâm và phát triển hợp lý. Tổng số trường trên địa bàn đặc biệt khó khăn là 06 trường (xã Dền Thành cũ; xã Sàng Ma Sáo cũ), 27 điểm trường ở vùng đặc biệt khó khăn (17 điểm trường mầm non, 10 điểm trường tiểu học); tổng số lớp trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn là 32 lớp (31 lớp mầm non, 16 lớp tiểu học, 23 lớp THCS).

1.3.4. Củng cố, duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi

Duy trì vững chắc và nâng cao mức độ đạt chuẩn PCGD các cấp, cụ thể: duy trì đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ 4 tuổi, 5 tuổi, PCGD Tiểu học mức độ 3 và xoá mù chữ mức độ 2; duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2.

1.3.5. Triển khai thực hiện các mô hình giáo dục trên địa bàn

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; tăng cường thảo luận bàn các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc... Kết quả: chất lượng giáo dục toàn diện và hiệu quả giáo dục đã có nhiều chuyển biến tích cực đồng bộ giữa các cấp học, từ vùng thấp đến vùng cao, đặc biệt ở các thôn khó khăn về giáo dục đã có sự chuyển biến rõ rệt. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được duy trì bền vững. Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, nghiên cứu khoa học,... tiếp tục được chú trọng bằng những biện pháp tích cực, đạt được kết quả nổi bật.

Các mô hình trường học gắn với thực tiễn tiếp tục được các nhà trường đẩy mạnh thực hiện.

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trường học nghiên cứu các sáng kiến, cách làm hay vận dụng vào quản lý và thực hiện có hiệu quả như: Mô hình cổng trường an toàn giao thông; mô hình trường học gắn với thực tiễn; đưa mô hình “Bán trú tự quản giúp nhau cùng tiến bộ”; mô hình đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn cho trẻ; mô hình các câu lạc bộ gắn với bản sắc văn hoá dân tộc trong nhà trường (CLB thể thao, CLB văn hoá, CLB

Tiếng Anh,...); mô hình giáo dục STEM; giải pháp ôn thi vào 10; mô hình trường phân luồng, hướng nghiệp;...

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh về phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em. Triển khai các hoạt động can thiệp, cải tạo môi trường học tập, vui chơi nhằm giảm thiểu nguy cơ gây tai nạn, thương tích trong trường học. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công nhận các trường học đạt tiêu chuẩn Trường học an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em.

1.4. Tình hình triển khai thực hiện Đề án số 06 của Tỉnh ủy, Đề án 04 của Huyện ủy Bát Xát cũ

1.4.1. Giáo dục Mầm non

Co 03 trường Mầm non đảm bảo quy mô, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; tỷ lệ trẻ từ 0-2 tuổi ra lớp đạt 29,8%, trẻ từ 3-5 tuổi đạt 100% (đạt 100% so với kế hoạch năm 2024, đạt 100% so với Đề án 04-ĐA/HU), trẻ 5 tuổi đạt 100% (đạt 100% so với Đề án 04-ĐA/HU).

Luỹ kế đến thời điểm hiện tại toàn xã có 01 trường đạt chuẩn quốc gia (01 trường Mầm non Dền Sáng) bằng 33,3%; 100% phòng học kiên cố và bán kiên cố (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025, đạt 100% so với Đề án 04-ĐA/HU, đạt 100% so với Đề án 06-ĐA/TU); 8/8 trường và các điểm trường sử dụng hiệu quả đồ dùng đồ chơi trong dạy học, 90% trẻ làm quen với ngoại ngữ (đạt 90% so với kế hoạch năm 2025 và Đề án 06-ĐA/TU, 300% so với Đề án 04-ĐA/HU), 100% trẻ được làm quen với tin học (đạt 100% so với Đề án 06-ĐA/TU, 150% so với Đề án 04-ĐA/HU).

100% cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn (đạt 100% so với Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU), 94,34% giáo viên đạt chuẩn trình độ chuyên môn theo Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 (đạt 99,3% so với Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU).

1.4.2. Giáo dục phổ thông

Có 5 trường (02 trường PTDTBT tiểu học, 1 trường PTDTBT TH&THCS, 2 trường PTDTBT THCS); tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025, Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU), trẻ từ 6-14 tuổi đạt 100% (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025, Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học lên Trung học phổ thông, GDTX và học nghề đạt 72%. 100% học sinh từ lớp 3 trở lên được học Tin học, Ngoại ngữ (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025, Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); 100% giáo viên Tiếng Anh được tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025, Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); 80% giáo viên Tiếng Anh đạt trình độ năng lực ngoại ngữ B2 để tham gia giảng dạy chương trình GDPT mới theo yêu cầu cấp học; 100% các cơ sở giáo dục ứng dụng CNTT trong quản lý điều hành, dạy và học (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025 và Đề án 04-ĐA/HU). 100% cán bộ quản lý, 99,65% giáo viên các cơ sở giáo dục có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên theo quy định tại Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 (đạt 100% so với

kế hoạch năm 2025, 104,89% so với Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU).

Triển khai hiệu quả giáo dục STEM tại 100% các trường (đạt 100% kế hoạch năm 2025 và Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU).

Đầu tư, tăng cường CSVC trường học: 100% trường TH và THCS có phòng học kiên cố và bán kiên cố (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025 và Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); 80% số trường tiểu học, THCS có đủ phòng học bộ môn, đủ thiết bị dạy học tối thiểu (đạt 100% so kế hoạch năm 2025 và Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU); 100% các trường có đủ thiết bị dạy học tin học, ngoại ngữ từ lớp 3 trở lên (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025 và Đề án 06-ĐA/TU, Đề án 04-ĐA/HU).

1.4.3. Giáo dục thường xuyên

100% người dân có nhu cầu học tập được đáp ứng, nâng tỷ lệ người biết chữ lên 99% (đạt 100% so với kế hoạch năm 2024 và Đề án 04-ĐA/HU).

Năm 2025, mở 01 lớp xóa mù chữ giai đoạn 1 cho 15 người (đạt 100% so với kế hoạch năm 2025 và Đề án 04-ĐA/HU năm 2024).

1.5. Tình hình phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành nhằm nâng cao nhận thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp; tăng cường công tác thông tin, nâng cao hiểu biết cho CBQL, giáo viên về tình hình thời sự, xã hội của đất nước, địa phương. Năm học 2024-2025, đến thời điểm hiện tại toàn xã có 82,85% CBQL, GV, nhân viên là đảng viên; trên 97,72% CBQL, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019; 100% CBQL đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; 100% CBQL, giáo viên được đánh giá “Đạt” theo Chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; 100% CBQL, giáo viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên; số giáo viên có chuyên môn giỏi tiếp tục tăng lên.

Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn đảm bảo khách quan, chính xác, công bằng làm cơ sở cho việc bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ hiệu quả.

Kết quả phân xếp loại năm học 2024-2025 như sau:

- Đánh giá cơ sở giáo dục: Tổng số 8 đơn vị. Xếp loại Xuất sắc: 03/8, Xếp loại tốt: 5/8 đơn vị, đạt 100%.

- Xếp loại Hiệu trưởng: Tổng số 8 đồng chí. Xếp loại Xuất sắc: 3/8 = 37,5%, Xếp loại tốt: 5/8 = 62,5% đơn vị.

- Xếp loại Phó Hiệu trưởng: Tổng số 13 đồng chí. Xếp loại xuất sắc: 5/13= 38,5%, Xếp loại tốt: 8/13 = 61,5%.

- Xếp loại giáo viên: Tổng số giáo viên 199, số giáo viên được đánh giá xếp loại 199. Xếp loại xuất sắc nhiệm vụ: 64 đồng chí, chiếm 32,2%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 135 đồng chí, chiếm 67,8%.

- Xếp loại nhân viên: Tổng số nhân viên 12, số nhân viên được đánh giá

xếp loại 12. Xếp loại xuất sắc nhiệm vụ: 0 đồng chí, chiếm 0%; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 12 đồng chí, chiếm 100%; hoàn thành nhiệm vụ: 0 đồng chí.

1.6. Xây dựng cơ sở vật chất trường, thiết bị

Thường xuyên chỉ đạo rà soát đề nghị đảm bảo cơ sở vật chất trường, lớp theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT.

Năm học 2024-2025 toàn xã có 134 phòng học, trong đó: 85 phòng học kiên cố, 49 phòng bán kiên cố (đảm bảo đủ phòng học); phòng bán trú: tổng số 53 phòng, trong đó: 12 phòng kiên cố, 31 phòng bán kiên cố (đảm bảo tối thiểu cho học sinh ăn ở); nhà công vụ: tổng số 25 phòng, trong đó: 25 phòng bán kiên cố (đảm bảo tối thiểu cho giáo viên ăn ở); nhà vệ sinh: tổng số 33 nhà, trong đó: 33 nhà bán kiên cố (đảm bảo tối thiểu cho giáo viên và học sinh); cấp nước sinh hoạt đáp ứng so với nhu cầu tối thiểu mỗi trường có 01 đường nước sinh hoạt. Thiết bị dạy học của các trường đã được cấp đầy đủ theo Chương trình GDPT 2018 cấp.

Số trường PTDTBT là 05 trường (Trường PTDTBT TH 02 trường, trường PTDTBT Tiểu học&THCS là 01 trường, PTDTBT THCS là 02 trường).

Tổng diện tích đất của giáo dục toàn xã là 60.976m², thiếu 3.600m², tham mưu quy hoạch lại 100% trường học đảm bảo diện tích đất theo Thông tư 13/TT-BGD&ĐT, Thông tư 14/TT-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngoài ra các trường tích cực mượn đất của nhân dân để thực hiện mô hình trường học gắn với thực tiễn.

1.7. Thực hiện công tác quản lý tài chính

** Đánh giá về định mức phân bổ ngân sách theo Nghị quyết 28/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh*

Chi thường xuyên tính theo định mức là 15 triệu đồng/biên chế/năm. Định mức thực tế được phân bổ thực tế là 15 triệu đồng/biên chế, đạt tỷ lệ 100% so với định mức theo nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND.

- **Thuận lợi:** Đơn vị đã được giao kinh phí kịp thời ngay từ đầu năm ngân sách. Các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ giáo viên và học sinh được bổ sung và thanh toán kịp thời không để nợ đọng sang năm sau.

- **Khó khăn:** Định mức chi thường xuyên còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển về quy mô và chất lượng giáo dục hiện nay.

Hàng năm, ngoài các chế độ được hỗ trợ theo quy định, đơn vị phải chăm lo các loại kinh phí như: tiền điện, nước, dụng cụ nhà bếp và chăn chiếu phục vụ học sinh ở bán trú, do đó cũng ảnh hưởng đến chi hoạt động chuyên môn trong trường.

Đặc biệt do yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động về chuyên môn như tập huấn, hội thảo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo viên, tổ chức nhiều cuộc thi học sinh giỏi các cấp, các cuộc thi khác do ngành và địa phương phát động, phong trào thi đua và hoạt động ngoại khóa văn nghệ, thể dục, thể thao... do đó việc mua

sắm đầu tư trang thiết bị dạy học còn ít chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành đề ra.

** Đánh giá các chính sách của nhà nước, các chính sách của địa phương đối với học sinh, giáo viên*

- **Đối với học sinh:** Các chế độ chính sách của nhà nước và địa phương đã phần nào góp phần huy động học sinh ra lớp, duy trì tỷ lệ chuyên cần, nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Mặt khác, đời sống vật chất và tinh thần của học sinh cũng được cải thiện rõ rệt. Giáo dục toàn diện, đặc biệt là giáo dục dân tộc được đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng.

- **Đối với giáo viên:** Trên cơ sở các văn bản quy định về chế độ tiền lương, chế độ chính sách đãi ngộ khác đối với công chức theo quy định của pháp luật như: chế độ thu hút vùng đặc biệt khó khăn các đơn vị trường học rà soát các đối tượng được hưởng tham mưu với UBND ra quyết định thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định hiện hành.

** Đánh giá huy động các nguồn kinh phí xã hội hóa*

Các trường học tiếp tục phổ biến, quán triệt các văn bản hướng dẫn của cấp trên về hoạt động quản lý sử dụng các khoản thu ngoài ngân sách tại các đơn vị trường học. Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra không để tình trạng lạm thu tại các trường học trên địa bàn xã. Hướng dẫn đảm các trường hiện đúng việc thu chi tài chính.

Công tác XHH được thực hiện đúng quy định từ nhà trường đến UBND xã. Xã hội hoá ngoài ngành ủng hộ các hoạt động giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh bán trú trong năm học đạt trên 1 tỷ đồng đã góp phần không nhỏ vào phát triển giáo dục.

** Công tác quản lý sử dụng các nguồn thu*

Các trường mở sổ sách theo dõi đầy đủ các khoản thu, sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh đúng mục đích, có hiệu quả, không xảy ra tình trạng lạm thu trong nhà trường. 100% các đơn vị trường học đã mở tài khoản và thực hiện thu dịch vụ, thu phí, xã hội hoá bằng hình thức không dùng tiền mặt tuy nhiên do đặc thù vùng cao không có nguồn thu qua tài khoản.

Các nhà trường đã công khai minh bạch tài chính công khai các khoản thu tự nguyện và thu theo thỏa thuận; các khoản chi (tu sửa, xây mới các hạng mục công trình,..) tại các cuộc họp Hội đồng nhà trường, trong các buổi sơ kết, tổng kết năm học.

UBND xã đã chỉ đạo các trường thực hiện theo Thông tư 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Phổ thông dân tộc Bán trú; thực hiện các khoản tài trợ, huy động xã hội hóa theo thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Ước thực hiện năm học 2025-2026

2.1. Ước thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch

2.1.1. Đối với giáo dục mầm non

Tổng số trường mầm non: 03 trường; 37 lớp. Tổng số trẻ: 837 trẻ, tăng 5 trẻ so với năm học 2024-2025 với 43 điểm trường. Số lớp ở trường chính 12/43 = 27,9%, số lớp ở điểm trường 31/43 = 72,1%.

2.1.2. Đối với giáo dục Tiểu học

Tổng số trường có cấp Tiểu học: 3 trường, trong đó: 02 trường PTDTBT Tiểu học, 01 trường PTDTBT TH&THCS; tổng số lớp: 56 (bằng số lớp so với năm học 2024-2025); tổng số học sinh: 1358 (tăng 4 học sinh so với năm học 2024-2025); tỷ lệ huy động học sinh 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Tổng số điểm trường lẻ là 16.

Trung bình số học sinh/lớp cấp học 24,3 học sinh (tăng 0,1 học sinh so với năm học 2024-2025).

2.1.3. Đối với giáo dục THCS

Có 03 trường THCS (02 trường PTDTBT THCS, 01 trường PTDTBT TH&THCS); trường có số lớp và số học sinh nhiều nhất là trường PTDTBT THCS Dền Thành (12 lớp, với 387 học sinh); trường có số lớp ít nhất là trường Tiểu học &THCS Dền Sáng (08 lớp, 241 học sinh); toàn xã có 31 lớp, 1041 học sinh. Trung bình số học sinh/lớp là 33.6 học sinh (tăng 0.3 học sinh so với năm học 2024-2025).

2.1.4. Giáo dục dân tộc

Tổng số trường PTDTBT và có học sinh bán trú là 03 trường (02 trường PTDTBT THCS, 01 trường PTDTBT TH&THCS); tổng số lớp có học sinh bán trú 31 lớp.

*** Đánh giá chung**

- Thuận lợi

Với quy mô học sinh, giáo viên ở mỗi trường lớn hơn, đặc biệt là học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 được học tại trường chính, học sinh được học các môn như tin học, ngoại ngữ, được hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương, địa phương, được tham gia nhiều hoạt động tập thể, hoạt động ngoài giờ lên lớp, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

Giải quyết được công tác huy động học sinh đi học chuyên cần đối với các trường vùng cao do gần được trách nhiệm vận động học sinh ra lớp với từng giáo viên ở thôn, bản. Học sinh của trường được quan tâm ngay từ lớp 1 nên chất lượng giáo dục trong xã được đồng bộ hơn.

Học sinh được ở bán trú thuận lợi cho việc thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Khó khăn, bất cập

Một số trường, điểm trường có điều kiện địa lý khá phức tạp, dân cư sinh sống phân tán, số lượng học sinh ít dẫn tới khó khăn trong việc bố trí, sắp xếp lớp học. Một số vùng do yêu cầu của công tác phổ cập giáo dục trước đây nên trường lớp rất gần nhà học sinh, việc huy động học sinh tại các vùng này ra ở bán trú để thực hiện quy hoạch gặp nhiều khó khăn; phụ huynh học sinh muốn

con học gần nhà để có thời gian phụ giúp gia đình lao động.

Mặc dù đã được nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, tuy nhiên với sự phát triển nhanh của quy mô, các lớp cấp học mầm non đã trở nên khá chật hẹp theo quy định hiện hành; một số trường cấp tiểu học, THCS còn thiếu phòng học bộ môn theo quy định.

Nhiều trường trước đây được bố trí xây dựng tại vị trí khó mở rộng quỹ đất hoặc hết quỹ đất để mở rộng.

2.2. Về quy mô học sinh

Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi đi học nhà trẻ đạt 36,4%.

Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi đi học đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi đi học lớp 1 đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 6-10 tuổi ra lớp đạt 100%.

Tỷ lệ học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.

Tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi đạt 100%.

Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi có bằng TNTHCS 94%.

Tỷ lệ học sinh TN THCS vào lớp 10 và các trường nghề đạt 72%.

3. Kết quả đạt được

Công tác chỉ đạo, quản lý được thực hiện đồng bộ, sâu sát, cụ thể và hướng về các đơn vị trường học; tiếp cận đổi mới, dân chủ hóa được chú trọng; kỷ cương nền nếp được tăng cường.

Mạng lưới trường, lớp học được rà soát, quy hoạch lại đảm bảo lộ trình của Đề án với những hiệu quả rõ rệt; giảm số trường, số lớp và đưa học sinh ở điểm trường lẻ về trường chính, đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của học sinh và nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực cho huyện.

Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng cao cả ở khu vực vùng thấp và vùng cao (*đặc biệt chất lượng giáo dục vùng cao chuyển biến tích cực và dần được duy trì bền vững*). Giáo dục mầm non có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ được quan tâm ngày càng nhiều. Chất lượng giáo dục tiểu học được nâng lên rõ nét, thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; chất lượng giáo dục THCS vững chắc hơn; tỷ lệ học sinh chưa đạt chuẩn về kiến thức giảm, tỷ lệ học sinh khá, giỏi tăng. Chất lượng học sinh giỏi được nâng lên rõ rệt; chất lượng và số lượng tuyển sinh được nâng lên và tương đối bền vững.

Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần được nâng lên và duy trì tương đối bền vững từ 97% trở lên. Công tác giáo dục dân tộc có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là công tác quản lý bán trú đã đi vào nền nếp do thực hiện tốt mô hình **“bán trú tự quản”** và hoạt động **“một ngày bán trú”**. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì và nâng cao chất lượng.

Cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được chú trọng đầu tư theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, hiện đại hóa; đặc biệt là các công trình nhà tắm, nhà vệ sinh, phòng học, nhà ăn, bếp, phòng ở học sinh bán trú cho các trường học.

Cán bộ quản lý giáo dục được bổ sung, kiện toàn, từng bước nâng cao chất lượng; đội ngũ giáo viên đa số tâm huyết, trách nhiệm; căn bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ năm học và thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

Công tác phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể được củng cố; phong trào khuyến học, khuyến tài, xã hội hóa giáo dục, tuyên truyền, vận động được đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả hơn đã góp phần quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ năm học và đổi mới giáo dục.

4. Tồn tại, hạn chế, khó khăn:

Giáo viên có năng lực chuyên môn giỏi trong xã còn ít, thiếu giáo viên, nhất là giáo viên một số môn học, đặc biệt giáo viên ngoại ngữ, tin học, âm nhạc, mỹ thuật. Thiếu theo định mức, chỉ tiêu biên chế được giao, phải tăng cường giáo viên từ các trường khác đến giúp (hiện tại còn thiếu 26 biên chế giáo viên so với biên chế được giao: MN: 5 tiểu học 11, THCS 08). Tỷ lệ giáo viên Mầm non toàn xã đạt 21,8 (chưa đảm bảo theo quy định 2,2 GV/lớp mẫu giáo; 2,5 GV/lớp đối với nhà trẻ); tiểu học đạt 1,4; THCS đạt 1,9. Tỷ lệ nữ giáo viên chiếm 89,78%. Địa hình xã chia cắt nên khó khăn đi lại cho đội ngũ, học sinh.

Thiết bị dạy học: thiết bị công nghệ thông tin chưa đảm bảo về cơ sở hạ tầng và thiết bị dạy học, máy tính, phòng tin học (nhất là các trường mầm non), hoặc dùng lâu máy hỏng nên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, áp dụng dạy học trực tuyến, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học ở một vài trường học còn hạn chế; một số trường đang phấn đấu trường đạt chuẩn quốc gia, đang duy trì chưa đáp ứng được với yêu cầu của các tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khi triển khai thực hiện Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì học sinh, nhà giáo học tập và công tác ở các xã khu vực III (các xã đã hoàn thành nông thôn mới) không còn được hưởng các chế độ chính sách đã ảnh hưởng tới tâm lý cán bộ, giáo viên, nhân viên các nhà trường và công tác duy trì tỷ lệ huy động học sinh ra lớp, khó khăn cho công tác GD&ĐT.

II. Kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo 5 năm Năm học 2026-2030 và kế hoạch năm học 2026-2027

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Nghị quyết số 218/2025/QH15 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”.

Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

Công văn số 1094/SGD&ĐT-KHTH ngày 02/10/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo 5 năm 2026-2030 và kế hoạch năm học 2026-2027;

Căn cứ vào tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục xã và Kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của xã Dền Sáng.

Để đảm bảo quy mô, các chỉ tiêu phát triển trường, lớp học trong 5 năm 2026-2030 và kế hoạch năm học 2026-2027, UBND xã Dền Sáng xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo 5 năm 2026-2030 và kế hoạch năm học 2026-2027, như sau:

2. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo 5 năm năm học 2026-2030 và kế hoạch năm học 2026-2027

2.1. Mục tiêu

Tiếp tục tham mưu rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp, đầu tư cơ sở vật chất phù hợp địa phương; nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng theo Thông tư số 13/TT-BGD&ĐT, Luật giáo dục 2019.

Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi vào năm 2027 (đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 vào năm 2027); đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, xoá mù chữ mức độ 2

Nâng chất lượng dạy học ngoại ngữ, tin học, giáo dục STEM, STEAM; thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; thực hiện hiệu quả việc dạy học 2 buổi/ngày; phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS gắn với

định hướng nghề nghiệp cho học sinh; từng bước chuẩn hóa giáo dục vùng cao gắn với xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học; thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong giáo dục.

2.2. Chỉ tiêu phát triển giáo dục

2.2.1. Chỉ tiêu phát triển giáo dục năm học 2026-2027

(1). *Phát triển mạng lưới trường lớp học, quy mô giáo dục phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân:*

- Toàn xã có 7 trường (*giảm 01 trường*), trong đó: 03 trường mầm non, 01 trường PTDTBT Tiểu học, 02 trường PTDTBT TH&THCS, 01 trường PTDTBT THCS. Chuyển toàn bộ học sinh thôn Nhieu Cù San, điểm Sin Cơ thuộc thôn Khu Chu Phìn về học tại trường PTDTBT TH&THCS Dền Sáng.

- *Số lớp, số học sinh*

- Cấp học Mầm non: 43 nhóm, lớp; 1061 trẻ.

+ Nhà trẻ: 6 lớp, 210 trẻ (trong đó: 6 lớp công lập, 210 trẻ)

+ Mẫu giáo: 37 lớp (công lập: 37 lớp), 851 trẻ.

- Cấp học Tiểu học: 56 lớp, 1342 học sinh.

- Cấp học THCS: 31 lớp, 1060 học sinh.

- *Chỉ tiêu thực hiện đề án rà soát trường, lớp:*

Sáp nhập trường PTDTBT TH Dền Thành với trường PTDTBT THCS Dền Thành thành trường PTDTBT TH&THCS Dền Thành.

(2) Tỷ lệ % huy động nhà trẻ ra lớp; tỷ lệ % huy động trẻ 5 tuổi; số xã công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi.

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 30,7%.

Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp đạt 100%.

Tỷ lệ huy động trẻ 4, 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

(3) Xã được công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi

Duy trì các trường chuẩn quốc gia đã đạt được còn hạn công nhận: Trường Mầm non Dền Sáng, trường PTDTBT TH&THCS Dền Sáng.

(4) Chỉ tiêu duy trì phổ cập giáo dục và xóa mù chữ.

Duy trì vững chắc và nâng cao mức độ đạt chuẩn PCGD các cấp, cụ thể: duy trì đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ 4 tuổi, 5 tuổi, PCGD Tiểu học mức độ 3 và xoá mù chữ mức độ 2; PCGD THCS mức độ 2.

2.2.2. Chỉ tiêu phát triển giáo dục giai đoạn 2026-2030

(1) Phát triển mạng lưới trường lớp học, quy mô giáo dục phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân:

Toàn xã có 7 trường, trong đó: 03 trường mầm non, 01 trường PTDTBT tiểu học, 02 trường PTDTBT TH&THCS, 01 trường PTDTBT THCS.

Số lớp, số học sinh

*** Năm học 2027-2028**

- Cấp học Mầm non: 42 nhóm, lớp; 1059 trẻ.

+ Nhà trẻ: 6 lớp, 232 trẻ (trong đó: 6 lớp công lập, 232 trẻ)

+ Mẫu giáo: 36 lớp (công lập: 36 lớp), 827 trẻ.

- Cấp học Tiểu học: 55 lớp, 1331 học sinh.
- Cấp học THCS: 31 lớp, 1098 học sinh.

*** Năm học 2028-2029**

- Cấp học Mầm non: 42 nhóm, lớp; 1024 trẻ.
- + Nhà trẻ: 6 lớp, 221 trẻ (trong đó: 6 lớp công lập, 221trẻ; 06 lớp ngoài công lập, 40 trẻ).

+ Mẫu giáo: 36 lớp (công lập: 36 lớp), 803 trẻ.

- Cấp học Tiểu học: 54 lớp, 1345 học sinh.
- Cấp học THCS: 31 lớp, 1054 học sinh.

*** Năm học 2029-2030**

- Cấp học Mầm non: 42 nhóm, lớp; 997 trẻ.
- + Nhà trẻ: 6 lớp, 219 trẻ (trong đó: 6 lớp công lập, 219 trẻ).
- + Mẫu giáo: 36 lớp (công lập: 36 lớp), 778 trẻ.
- Cấp học Tiểu học: 53 lớp, 1330 học sinh.
- Cấp học THCS: 31 lớp, 1050 học sinh.

*** Năm học 2030-2031**

- Cấp học Mầm non: 742 nhóm, lớp; 992 trẻ.
- + Nhà trẻ: 6 lớp, 219 trẻ (trong đó: 6 lớp công lập, 219 trẻ).
- + Mẫu giáo: 36 lớp (công lập: 36 lớp), 773 trẻ.
- Cấp học Tiểu học: 53 lớp, 1303 học sinh.
- Cấp học THCS: 31 lớp, 1057 học sinh.

Chỉ tiêu thực hiện đề án rà soát trường, lớp:

(2) Tỷ lệ % huy động nhà trẻ ra lớp; tỷ lệ % huy động trẻ 5 tuổi; số xã công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi.

Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 33,3%.

Tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp đạt 100%.

Tỷ lệ huy động trẻ 4, 5 tuổi ra lớp đạt 99.9%.

(3) Dự kiến xã được công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3 tuổi vào năm 2027

(4) Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia: Số trường 2/7, tỷ lệ 28,6% (Cấp Mầm non: 01, Tiểu học&THCS: 01).

(5) Chỉ tiêu duy trì phổ cập giáo dục và xóa mù chữ.

Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn PCG, XMC, cụ thể: đạt chuẩn PCGD MN cho trẻ 3 đến 5 tuổi vào năm 2027; duy trì đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 3 và xoá mù chữ mức độ 2, PCGD THCS mức độ 2.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức

Chủ động, tích cực đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động về đổi mới giáo dục; đổi mới công tác thông tin, truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia, đánh giá, phản biện của xã hội đối với giáo dục.

Đẩy mạnh công tác truyền thông về GD&ĐT, tăng cường truyền thông trên Trang thông tin điện tử của Xã/Trường tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục trong từng thời kỳ.

Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về các tấm gương người tốt, việc tốt trong ngành Giáo dục; các tấm gương nhà giáo, học sinh đổi mới, sáng tạo và đạt kết quả tốt trong dạy và học nhất là ở khu vực vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn.

2. Quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp học

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035. Đảm bảo số lượng học sinh trong một lớp để sử dụng tiết kiệm nhất các nguồn lực; khuyến khích các lớp ghép 2 trình độ ở những nơi khó khăn không thể tổ chức lớp đơn; đưa 100% học sinh các lớp 3, 4, 5 và khuyến khích học sinh lớp 1, 2 về học tại trường chính theo mô hình bán trú, nội trú dân nuôi để nâng cao chất lượng giáo dục.

Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh quy hoạch đất cho các nhà trường đảm bảo diện tích theo quy định và đáp ứng đủ nhu cầu phát triển trường học trong giai đoạn tiếp theo.

Xây dựng cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, đảm bảo theo các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục, xây dựng trường chuẩn Quốc gia; quan tâm xây dựng các phòng chức năng, nhà công vụ, phòng ở cho học sinh bán trú và các công trình phụ trợ khác.

3. Củng cố, duy trì số lượng học sinh các cấp học

Duy trì số lượng học sinh các cấp học theo chỉ tiêu phát triển giáo dục được giao: có giải pháp đồng bộ, hiệu quả để khắc phục tình trạng học sinh bỏ học do tảo hôn, cha mẹ bỏ đi khỏi địa phương, đặc biệt là vùng cao, vùng dân tộc thiểu số; tăng cường công tác phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, đơn vị trong công tác giáo dục, luôn coi đây là trách nhiệm của các cấp các ngành; đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, định hướng nghề, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS; kiểm soát chặt chẽ số lượng học sinh từng cấp học, đặc biệt là số lượng tuyển sinh và chất lượng, số lượng học sinh sau hoàn thành chương trình các cấp làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục của các nhà trường.

4. Đổi mới công tác quản lý giáo dục

Thực hiện đổi mới công tác quản lý theo hướng phân cấp, tăng quyền chủ động của các nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với nâng cao năng lực quản trị nhà trường. Nâng cao tinh thần dân chủ trong hoạt động của các CSGD gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

Kiên toàn Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xoá mù chữ và Xây dựng xã hội học tập đảm bảo các điều kiện để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, đồng thời phát huy được vai trò trong việc thực hiện các nhiệm vụ giáo

dục tại cơ sở.

Tạo động lực, cơ hội cho đội ngũ phát huy sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là trong đổi mới giáo dục. Nhân rộng, phổ biến các mô hình quản lý hiệu quả.

Tổ chức tốt việc đối thoại trực tiếp với nhân dân. Giải đáp triệt để những ý kiến nhằm nâng cao sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân trong công tác giáo dục.

5. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện

Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng hiệu, quả giáo dục các cấp học: Quan tâm chỉ đạo thực hiện việc kiểm soát, đảm bảo chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng giáo dục tại các điểm trường lẻ; chú trọng bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và tổ chức ôn tập, bồi dưỡng kiến thức cho học sinh các lớp cuối cấp; theo dõi sát, đánh giá sự tiến bộ, phát huy thành tích của học sinh trong học tập.

Nâng cao chất lượng các Cuộc thi theo hướng tăng cường hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phù hợp với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, dẫn đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Tổ chức ôn tập tốt cho học sinh lớp 9 đảm bảo chất lượng sau tốt nghiệp THCS, tạo nguồn tuyển sinh vào lớp 10 và TCCN và học nghề.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục ở tất cả các cấp học, đặc biệt chú trọng việc đảm bảo tính liên thông về phương pháp dạy học giữa hai cấp học tiểu học và THCS; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả giáo dục; thực hiện tốt triệt để việc đổi mới công tác quản lý trường học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và giảng dạy.

6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Tiếp tục triển khai thực hiện lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở với những giải pháp cụ thể nhằm phát triển đội ngũ một cách toàn diện, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tổ chức rà soát, đánh giá, bố trí sắp xếp lại đội ngũ, tinh giản biên chế; thực hiện bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo đúng quy định, đúng vị trí việc làm và yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; tạo động lực cho đội ngũ CBQL, giáo viên phát huy năng lực sáng tạo trong đổi mới giáo dục.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ theo hướng chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL và giáo viên gắn với lộ trình triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và chương trình giáo dục mầm non mới. Bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ; tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ đang công tác ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

7. Tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học; nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, chính sách hỗ trợ

Tham mưu ưu tiên kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, tăng tỷ lệ học sinh được học tin học, ngoại ngữ để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện đổi mới giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, thực hành tiết kiệm trong toàn ngành, cắt giảm khoản chi tiêu chưa cần thiết, đảm bảo kinh phí chi cho các hoạt động, ưu tiên kinh phí cho hoạt động chuyên môn, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, tăng cường công tác kiểm tra.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xây dựng môi trường giáo dục tốt, cảnh quan trường, lớp sạch, xanh, đẹp.

8. Đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác, hội nhập

Tích cực tuyên truyền và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về giáo dục. Tiếp tục chỉ đạo và làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân, các ngành, các cơ quan, các tổ chức đoàn thể và xã hội để xây dựng môi trường giáo dục, trực tiếp tham gia vào quá trình giáo dục, đóng góp các nguồn lực để phát triển giáo dục.

Nâng cao nhận thức của đội ngũ về hiệu quả của việc hợp tác và hội nhập về giáo dục đào tạo. Coi hội nhập là một trong các giải pháp quan trọng để đổi mới giáo dục. Chủ động, tích cực hơn trong tiếp cận, vận dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm với các địa phương có điều kiện tương đồng về kinh tế - xã hội đã thành công trong công tác giáo dục.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục đẩy nhanh tốc độ đầu tư xây dựng phòng học bộ môn, nhà đa năng và các công trình phụ trợ cho các đơn vị trường, đặc biệt là trường chuẩn quốc gia, trường PTDTBT và trường có học sinh bán trú.

- Để đảm bảo định mức giảng dạy theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV và nâng cao chất lượng cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo xã còn thiếu tối thiểu 38 giáo viên. Đề nghị Sở Nội vụ giao thêm 38 chỉ tiêu biên chế giáo viên cho xã Dền Sáng để đảm bảo định mức số lượng người làm việc góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá - Xã hội

Tham mưu cho UBND xã xây dựng các kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo 5 năm 2026-2030 và năm học 2026-2027; sau khi có văn bản Thông báo của Sở GD&ĐT triển khai tới các đơn vị trường học trực thuộc.

Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại các đơn vị trường học, trong đó chú trọng công tác tham mưu, chỉ đạo, duy trì tỷ lệ huy động học sinh và tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần. Cuối năm học có đánh giá kết quả thực hiện từng mục tiêu.

Theo dõi, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp cho phù hợp với thực tế theo từng năm và cả giai đoạn.

2. Các đơn vị trường học trực thuộc

Tham mưu cho UBND xã xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo các điều kiện phục vụ dạy và học.

Chú trọng thực hiện công tác tuyên truyền tới Nhân dân trên địa bàn để thực hiện Đề án rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp đạt hiệu quả cao.

Căn cứ thông báo kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2025 của Sở GD&ĐT các đơn vị trường học tổ chức thực hiện đảm bảo đạt hoặc vượt mức kế hoạch đề ra.

Trên đây là kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo 5 năm 2026-2030 và năm học 2026-2027 của UBND xã Dền Sáng./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- TT. ĐU, HĐND, UBND xã (b/c);
- Các phòng, ban xã;
- Các đơn vị trường học;
- Lưu: VT, VH-XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Hùng